



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

NGUYỄN XUÂN QUÝ

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ SỬ DỤNG TÀI
NGUYÊN NƯỚC TẠI CÁC CÔNG TRÌNH
THỦY ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ
ĐÀ NẴNG**

TÓM TẮT ĐỀ ÁN THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ
Mã số: 834 04 10

Đà Nẵng - Năm 2025

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐHN

Người hướng dẫn khoa học: 1. GS.TS. Võ Xuân Tiến
2. TS. Đoàn Thị Nhiệm

Phản biện 1: TS. Nguyễn Thị Thu Hà

Phản biện 2: PGS.TS Trương Tấn Quân

Đề án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Đề án tốt nghiệp Thạc sĩ Quản lý kinh tế họp tại trường Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày 01 tháng 11 năm 2025.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề án

Thành phố Đà Nẵng là đô thị loại I trực thuộc Trung ương, có vai trò quan trọng trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Với vị trí địa lý nằm giữa các dãy núi và biển, hệ thống sông suối phân bố dày đặc, Đà Nẵng sở hữu tiềm năng lớn về nguồn tài nguyên nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất và phát triển kinh tế. Đặc biệt, hệ thống các công trình thủy điện nằm ở thượng nguồn các con sông như Vu Gia, Thu Bồn có vai trò quan trọng trong cung cấp điện năng và điều tiết nguồn nước cho thành phố. Từ ngày 1/7/2025, theo Nghị quyết của Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính, thành phố Đà Nẵng sẽ chính thức sáp nhập với tỉnh Quảng Nam. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tăng cường quản lý tài nguyên nước liên vùng, liên địa phương, đặc biệt là tại các công trình thủy điện lớn có tác động đến nhiều tỉnh, thành. Trong giai đoạn 2020 đến tháng 7/2025, công tác quản lý nhà nước (QLNN) về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn Đà Nẵng đã đạt được một số kết quả tích cực: hệ thống văn bản pháp luật được ban hành đồng bộ hơn, việc cấp phép khai thác nước được kiểm soát chặt chẽ, hoạt động thanh tra, kiểm tra được tăng cường. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế như: công tác phối hợp liên ngành còn lỏng lẻo, chưa có cơ chế chia sẻ dữ liệu hiệu quả giữa địa phương và chủ đầu tư công trình; việc giám sát thực hiện các quy định về xả nước, vận hành hồ chứa chưa đồng bộ, đặc biệt vào mùa kiệt và mùa lũ; nhận thức của một số doanh nghiệp khai thác thủy điện về bảo vệ tài nguyên nước còn hạn chế. Những tồn tại trên, nếu không được kịp thời khắc phục, sẽ gây ra nhiều hệ lụy cho quá trình phát triển kinh tế

- xã hội của thành phố, nhất là trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp và nhu cầu sử dụng nước tăng cao. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài “*Quản lý nhà nước về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*” là hết sức cần thiết, nhằm đề xuất những giải pháp quản lý hiệu quả, bền vững hơn trong thời gian tới, góp phần sử dụng bền vững tài nguyên nước, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu của việc xây dựng đề án

2.1. Mục tiêu tổng quát

Trên cơ sở đánh giá thực trạng QLNN về sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, đề án đề xuất các giải pháp và cách thức thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác này trong thời gian đến.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn QLNN về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện;
- Phân tích thực trạng QLNN về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, đánh giá các kết quả đạt được, những hạn chế còn tồn tại và các nguyên nhân của những hạn chế đó;
- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác QLNN về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và cách thức tổ chức thực hiện các giải pháp trong thời gian đến.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề án tập trung nghiên cứu công tác QLNN về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung: Đề án chỉ tập trung nghiên cứu vấn đề QLNN về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Về mặt không gian: Tại các công trình thủy điện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Về mặt thời gian: Số liệu thứ cấp được tác giả thu thập trong giai đoạn 2020 đến 31/7/2025 (thời điểm sau khi sáp nhập, địa bàn của thành phố Đà Nẵng đã mở rộng); số liệu sơ cấp được thu thập năm 2025; các giải pháp được đề xuất đến năm 2030.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

- Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp
- Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp

4.2. Phương pháp phân tích

- Phương pháp phân tích, tổng hợp
- Phương pháp thống kê mô tả
- Phương pháp so sánh

5. Ý nghĩa thực tiễn của đề án

Đề án có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc đối với công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường của thành phố. Việc triển khai đề án sẽ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong việc khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên nước một cách bền vững, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi

trường. Đối với các cơ quan, ban ngành liên quan như Sở NN&MT, Sở Công Thương, UBND các xã/phường và các đơn vị khai thác thủy điện, đề án là cơ sở quan trọng để xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ trong kiểm tra, giám sát hoạt động sử dụng nước, từ đó kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm, bảo đảm an toàn hồ chứa, hạn chế tác động tiêu cực đến hệ sinh thái và đời sống người dân vùng hạ du. Ngoài ra, đề án còn hỗ trợ trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống cảnh báo, góp phần nâng cao năng lực quản lý tài nguyên nước thích ứng với biến đổi khí hậu trong khu vực.

6. Kết cấu của đề án

Ngoài mở đầu, kết luận, kiến nghị, tài liệu tham khảo, đề án có kết cấu gồm 04 chương đó là:

Chương 1: Cơ sở lý luận và căn cứ pháp lý của đề án quản lý nhà nước về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện.

Chương 2: Thực trạng QLNN về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Chương 3: Giải pháp của đề án QLNN về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Chương 4: Tổ chức thực hiện.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỀ ÁN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC TẠI CÁC CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN

1.1. Các khái niệm cơ bản liên quan đến quản lý nhà nước về sử dụng tài nguyên nước

1.1.1. Khái niệm tài nguyên nước

Tài nguyên nước là toàn bộ lượng nước có trong tự nhiên, bao gồm nước mặt, nước dưới đất, nước mưa, nước biển... có thể khai thác, sử dụng một cách hợp lý nhằm phục vụ các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đời sống dân sinh và bảo vệ môi trường sinh thái.

1.1.2. Khái niệm quản lý nhà nước về sử dụng tài nguyên nước

QLNN về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện được hiểu là tổng thể các hoạt động có tổ chức và quyền lực nhà nước nhằm bảo đảm việc khai thác, sử dụng nguồn nước trong lĩnh vực thủy điện đúng pháp luật, hiệu quả, bền vững và hài hòa lợi ích.

1.1.3. Vai trò của quản lý nhà nước về sử dụng tài nguyên nước

- QLNN về sử dụng tài nguyên nước giúp bảo đảm quyền lợi chung của cộng đồng và bảo vệ lợi ích quốc gia

- QLNN về sử dụng tài nguyên nước giúp bảo vệ môi trường nước và phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái nguồn nước

- Góp phần xây dựng và thực hiện các cơ chế chính sách hỗ trợ cộng đồng trong tiếp cận, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng chịu tác động của thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn

- QLNN về sử dụng tài nguyên nước giúp thúc đẩy giáo dục, truyền thông và nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng của việc bảo vệ tài nguyên nước

1.2. Các nội dung quản lý nhà nước về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

1.2.1. Ban hành các văn bản pháp luật về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

Văn bản pháp luật về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện là hệ thống các quy phạm pháp luật được Nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ, phát triển và phân phối tài nguyên nước trong quá trình đầu tư, vận hành và quản lý các công trình thủy điện. Các văn bản này có thể bao gồm luật, nghị định, thông tư, quyết định của Chính phủ và các bộ ngành liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước và năng lượng. Theo Luật Tài nguyên nước năm 2012, việc sử dụng nước cho phát điện được xác định là một trong các mục đích sử dụng nước đặc thù, có yêu cầu nghiêm ngặt về giấy phép và nghĩa vụ bảo vệ môi trường nước.

1.2.2. Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

Xây dựng chương trình, lập kế hoạch sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện là quá trình xác định mục tiêu, phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ và phát triển nguồn nước một cách hợp lý nhằm phục vụ hoạt động phát điện và đảm bảo phát triển bền vững tài nguyên nước.

Tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện được hiểu là quá trình triển khai đồng bộ các biện pháp hành chính, kỹ thuật và pháp lý nhằm bảo đảm việc khai

thác, điều tiết, sử dụng và bảo vệ nguồn nước theo đúng quy định pháp luật, kế hoạch đã được phê duyệt.

1.2.3. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

Tổ chức bộ máy QLNN về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn cấp tỉnh là hệ thống các cơ quan nhà nước có chức năng quản lý, điều hành và giám sát việc khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước gắn với hoạt động thủy điện. Bộ máy này hoạt động theo quy định pháp luật, đảm bảo phát triển bền vững nguồn nước, hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

1.2.4. Tuyên truyền phổ biến và giáo dục pháp luật về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

Tuyên truyền phổ biến và giáo dục pháp luật về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện là quá trình tổ chức các hoạt động nhằm truyền tải thông tin, quy định của pháp luật liên quan đến khai thác, sử dụng, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên nước đến các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là các đơn vị quản lý và vận hành công trình thủy điện. Mục tiêu của quá trình này là nâng cao nhận thức, hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật, từ đó góp phần hạn chế vi phạm, đảm bảo hiệu quả khai thác tài nguyên nước gắn với phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

1.2.5. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm liên quan đến sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm là những hoạt động quản lý nhà nước nhằm bảo đảm việc chấp hành đúng quy định pháp luật về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện. Thanh

tra là hoạt động kiểm tra có tính quyền lực nhà nước, do cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật (Đinh Đức Trường và cộng sự, 2022). Trong khi đó, kiểm tra được hiểu là quá trình theo dõi, đánh giá, phát hiện những sai sót, vi phạm trong việc thực thi quy định về quản lý và sử dụng nước.

1.3. Căn cứ pháp lý để xây dựng đề án quản lý nhà nước về sử dụng tài nguyên nước

1.3.1. Các văn bản của Trung ương

- Luật Tài nguyên nước 2012 số 17/2012/QH13.
- Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ “Quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản”;
- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ TN&MT Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

1.3.2. Các văn bản của thành phố Đà Nẵng

- Quyết định 40/2014/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định về quản lý, hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn thành phố.
- Quyết định 20/2020/QĐ-UBND ngày 6/7/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng Quy định về quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Kết luận chương 1

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC TẠI CÁC CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng và tình hình hoạt động của các công trình thủy điện trên địa bàn

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

2.1.3. Khái quát các công trình thủy điện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

2.2. Thực trạng quản lý nhà nước về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

2.2.1. Thực trạng ban hành các văn bản pháp luật về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

Trong giai đoạn 2020 đến tháng 7/2025, công tác ban hành các văn bản pháp luật về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng chủ yếu được thực hiện bởi các cơ quan trung ương như Bộ NN&MT, Bộ Công Thương, và UBND thành phố Đà Nẵng. Ngoài ra, các Sở chuyên môn như Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương cũng đóng vai trò tham mưu trong việc ban hành hoặc hướng dẫn triển khai các văn bản dưới luật.

Cụ thể, Bộ NN&MT đã ban hành và cập nhật nhiều thông tư hướng dẫn về cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước. Một số văn bản quan trọng như Nghị định số 167/2018/NĐ-CP về việc quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất và Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT hướng dẫn cấp giấy phép tài nguyên nước đã được phổ biến đến các cơ quan, doanh nghiệp

thủy điện trên địa bàn. Thành phố Đà Nẵng cũng đã cụ thể hóa các quy định này bằng các văn bản chỉ đạo điều hành, ví dụ Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 25/7/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc lập kế hoạch bảo vệ tài nguyên nước đến năm 2025.

2.2.2. Thực trạng xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

2.2.2.1. Thực trạng xây dựng chương trình, lập kế hoạch về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

Trong giai đoạn 2020 đến tháng 7/2025, công tác xây dựng chương trình và lập kế hoạch sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng chủ yếu do Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn như Sở Công Thương, Ban quản lý tài nguyên và môi trường cấp xã/phường và đặc biệt là các doanh nghiệp vận hành thủy điện như Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương và Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Mi. Sở NN&MT chịu trách nhiệm tổng hợp, đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước, từ đó tham mưu cho UBND thành phố Đà Nẵng ban hành các chương trình, kế hoạch cụ thể. Các doanh nghiệp thủy điện có trách nhiệm phối hợp cung cấp số liệu lưu lượng nước, lưu trữ hồ chứa và kế hoạch vận hành để tích hợp vào quy hoạch chung của thành phố.

2.2.2.2. Thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

Trong giai đoạn 2020 đến tháng 7/2025, công tác tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được triển khai với sự phối hợp giữa nhiều cơ quan nhà nước và các chủ đầu tư dự án thủy điện,

trong đó vai trò chủ đạo thuộc về Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng. Bên cạnh đó, UBND các xã/phường có liên quan, Ban Quản lý các dự án thủy điện, và các doanh nghiệp vận hành nhà máy thủy điện như Thủy điện A Vương, Thủy điện Đak Mi 4, Thủy điện Sông Bung 4A cũng tham gia thực hiện. Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện kế hoạch còn tồn tại nhiều bất cập. Một số chủ đầu tư chưa tuân thủ nghiêm các nội dung trong giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp. Ví dụ, Thủy điện Sông Bung 4A trong năm 2022 từng điều tiết nước vượt mức quy định trong thời gian cao điểm khô hạn, gây ảnh hưởng đến lưu lượng nước cấp cho hạ du sông Vu Gia - Thu Bồn và hệ thống cấp nước sinh hoạt của người dân thành phố.

2.2.3. Thực trạng tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

- UBND thành phố Đà Nẵng
- Hội đồng điều phối tài nguyên nước liên vùng
- Sở Nông nghiệp và Môi trường
- Sở Công thương
- Chi cục Quản lý tài nguyên nước và Thủy lợi
- Thanh tra – Cảnh sát môi trường – Phòng chống thiên tai
- Ban quản lý tài nguyên và môi trường cấp xã/phường

Tính đến tháng 7/2025, tổng số cán bộ trực tiếp tham gia công tác quản lý tài nguyên nước tại các cơ quan chức năng trên địa bàn thành phố là 198 người, trong đó Sở NN&MT có 52 cán bộ, Sở Công Thương có 25 cán bộ. Số còn lại thuộc các đơn vị cấp xã/phường và các chi cục trực thuộc. Qua từng năm, thành phố đã có sự điều chỉnh, tăng cường nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn

ngày càng cao trong công tác quản lý tài nguyên nước gắn với an ninh năng lượng và bảo vệ môi trường.

2.2.4. Thực trạng tuyên truyền phổ biến và giáo dục pháp luật về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

Trong giai đoạn 2020 đến tháng 7/2025, công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã được quan tâm triển khai bởi nhiều cơ quan chức năng. Nổi bật trong đó là vai trò của Sở NN&MT thành phố Đà Nẵng, phối hợp chặt chẽ với Chi cục Bảo vệ môi trường, UBND các xã/phường có liên quan, cùng sự đồng hành của các chủ đầu tư và đơn vị vận hành thủy điện như Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương, Công ty Thủy điện Đăk Mi, v.v. Các hoạt động tuyên truyền chủ yếu được thực hiện thông qua việc tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên đề, phát hành tờ rơi, tài liệu hướng dẫn, và đăng tải các thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử của Sở NN&MT. Nội dung tuyên truyền tập trung vào Luật Tài nguyên nước 2012, Nghị định số 201/2013/NĐ-CP và các quy định về giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước; trách nhiệm bảo vệ nguồn nước và phòng, chống ô nhiễm môi trường nước. Một số hoạt động tiêu biểu có thể kể đến như: Hội nghị tập huấn chuyên đề về quản lý tài nguyên nước và ứng phó với biến đổi khí hậu được tổ chức vào tháng 6/2022 tại xã Hòa Vang, thu hút hơn 120 cán bộ quản lý, người dân và đại diện các doanh nghiệp thủy điện tham dự. Bên cạnh đó, Chương trình truyền thông “Nước sạch – Tài nguyên quý” được phát sóng trên Đài phát thanh – truyền hình Đà Nẵng cũng là một kênh tuyên truyền hiệu quả được đánh giá cao. Tuy nhiên, việc triển khai công tác tuyên truyền vẫn còn những hạn

chế nhất định. Một số địa phương chưa bố trí kinh phí thường xuyên cho hoạt động tuyên truyền; đội ngũ tuyên truyền viên còn mỏng và thiếu kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực tài nguyên nước; tài liệu tuyên truyền chưa thực sự đa dạng về hình thức và phong phú về nội dung, nhất là chưa phù hợp với trình độ nhận thức của người dân vùng sâu, vùng xa.

2.2.5. Thực trạng thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm liên quan đến sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

Trong giai đoạn 2020 đến tháng 7/2025, công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được các cơ quan chức năng quan tâm và thực hiện thường xuyên. Chủ thể thực hiện chủ yếu là Sở NN&MT thành phố Đà Nẵng, phối hợp với Sở Công Thương, UBND các xã/phường có liên quan, và Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường (trong một số đợt kiểm tra chuyên đề). Mục tiêu của công tác này là đảm bảo các công trình thủy điện thực hiện đúng quy định pháp luật về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, đặc biệt trong các nội dung như giấy phép khai thác, vận hành hồ chứa, quy trình xả lũ và bảo vệ môi trường.

Trong 5 năm qua, thành phố Đà Nẵng đã tổ chức nhiều đợt thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất đối với các công trình thủy điện nằm trên lưu vực các sông Vu Gia - Thu Bồn, nơi có ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn nước sinh hoạt và sản xuất của người dân thành phố. Trong đó, nổi bật là các đợt kiểm tra tại thủy điện A Vương, thủy điện Đăk Mi 4 và thủy điện Sông Bung 4. Nội dung kiểm tra tập trung vào: việc tuân thủ quy trình vận hành liên hồ chứa, việc thực hiện nghĩa vụ báo cáo giám sát tài nguyên nước, việc duy trì hệ

thống quan trắc tự động, và mức độ phối hợp với chính quyền địa phương trong các đợt xả lũ, phòng chống thiên tai.

2.3. Đánh giá chung về thực trạng quản lý nhà nước về sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

2.3.1. Những kết quả đạt được

Công tác ban hành và triển khai các văn bản pháp luật liên quan đến sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn 2020 đến tháng 7/2025 đã có những chuyển biến tích cực.

Công tác xây dựng chương trình và lập kế hoạch sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện ở Đà Nẵng đã có những bước tiến tích cực.

Bộ máy QLNN về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã được tổ chức theo hướng phân công, phân cấp rõ ràng, thể hiện qua vai trò chỉ đạo thống nhất của UBND thành phố và sự phối hợp hiệu quả giữa các sở, ngành chuyên môn.

Công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2020 đến tháng 7/2025 đã có sự quan tâm và triển khai tương đối đồng bộ.

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân hạn chế

Mặc dù số lượng văn bản được ban hành ngày càng tăng, song tính hiệu quả và đồng bộ trong quá trình xây dựng và thực thi vẫn còn nhiều bất cập.

Một số kế hoạch vẫn mang tính hình thức, thiếu tính linh hoạt và chưa được điều chỉnh kịp thời khi xảy ra các hiện tượng thời tiết cực đoan.

Thiếu nhân lực có chuyên môn sâu về kỹ thuật tài nguyên nước, đặc biệt trong bối cảnh yêu cầu quản lý ngày càng cao và phức tạp.

Các hạn chế trên là do các nguyên nhân sau:

- Nguyên nhân khách quan

Do biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan diễn biến ngày càng phức tạp.

Yếu tố địa lý và liên kết lưu vực sông liên tỉnh cũng là nguyên nhân khách quan làm gia tăng tính phức tạp trong quản lý.

Sự phát triển nhanh chóng của các dự án thủy điện trong bối cảnh nhu cầu năng lượng tăng cao cũng tạo áp lực lớn cho công tác quản lý.

- Nguyên nhân chủ quan

Hệ thống pháp luật và chính sách liên quan đến quản lý tài nguyên nước tại các công trình thủy điện còn bất cập, chồng chéo và thiếu tính cụ thể trong tổ chức thực hiện.

Năng lực quản lý và tổ chức thực thi của các cơ quan QLNN tại địa phương còn hạn chế.

Sự phối hợp giữa các sở, ngành liên quan còn lỏng lẻo, thiếu cơ chế điều phối thống nhất trong công tác quản lý tài nguyên nước.

Kết luận chương 2

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP ĐỀ ÁN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC TẠI CÁC CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. Cơ sở của việc xây dựng đề án

3.1.1. Định hướng quản lý nhà nước về sử dụng tài nguyên nước của Chính phủ

3.1.2. Định hướng quản lý nhà nước về sử dụng tài nguyên nước của thành phố Đà Nẵng

3.1.3. Mục tiêu quản lý nhà nước về sử dụng tài nguyên nước của thành phố Đà Nẵng

3.2. Các giải pháp của đề án

3.2.1. Hoàn thiện ban hành các văn bản pháp luật về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

UBND và UBND Thành phố Đà Nẵng cần chủ động rà soát, hệ thống hóa và bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện.

Sở Nông nghiệp và Môi trường cần đóng vai trò nòng cốt trong việc tham mưu cho UBND Thành phố ban hành các quy định chi tiết về giám sát, kiểm tra và sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện.

3.2.2. Hoàn thiện xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

UBND thành phố Đà Nẵng cần ban hành một cơ chế phối hợp thống nhất trong công tác lập kế hoạch, điều tiết và giám sát vận hành các công trình thủy điện trên địa bàn.

Để tăng tính chủ động trong ứng phó với thiên tai, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Đà Nẵng cần tích hợp chặt chẽ kế hoạch điều tiết nguồn nước của thủy điện vào Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phòng chống thiên tai và quy hoạch đô thị, nông nghiệp.

3.2.3. Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

UBND thành phố Đà Nẵng cần rà soát, kiện toàn lại cơ cấu tổ chức quản lý tài nguyên nước, bảo đảm nguyên tắc tinh gọn, thống nhất và hiệu lực.

Sở Nông nghiệp và Môi trường cần được tăng cường nguồn lực cả về nhân sự lẫn trang thiết bị.

3.2.4. Tăng cường tuyên truyền phổ biến và giáo dục pháp luật về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

Tăng cường vai trò chỉ đạo, định hướng nội dung tuyên truyền của UBND thành phố Đà Nẵng.

Phát huy trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3.2.5. Tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm liên quan đến sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng phối hợp với Cục Quản lý tài nguyên nước trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường và UBND các xã trên địa bàn sáp nhập thực hiện tăng cường đầu tư nhân lực chuyên môn cho các đội thanh tra chuyên ngành thủy điện.

Việc phối hợp giữa các cơ quan liên quan còn thiếu chặt chẽ là nguyên nhân dẫn đến xử lý vi phạm chưa triệt để.

Kết luận chương 3

CHƯƠNG 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Đối với giải pháp hoàn thiện ban hành các văn bản pháp luật về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

4.1.1. Phân công nhiệm vụ

UBND thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm chủ trì, chỉ đạo toàn diện việc hoàn thiện, ban hành các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý và sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn.

Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng được giao nhiệm vụ chủ trì, nghiên cứu, xây dựng các dự thảo văn bản pháp luật liên quan đến quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện.

Sở Công Thương được phân công tham gia xây dựng các văn bản pháp luật liên quan đến khai thác, vận hành thủy điện, đảm bảo hài hòa giữa việc sử dụng tài nguyên nước và phát triển năng lượng.

4.1.2. Lộ trình thực hiện

- Giai đoạn 2026–2027: Rà soát, đánh giá hệ thống văn bản pháp luật hiện hành

- Giai đoạn 2027–2028: Hoàn thiện dự thảo và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Giai đoạn 2028–2030: Tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực thi.

4.1.3. Huy động nguồn lực, kinh phí

Nguồn lực con người; nguồn lực tài chính; nguồn lực công nghệ thông tin và hạ tầng kỹ thuật.

4.2. Đối với giải pháp hoàn thiện xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

4.2.1. Phân công nhiệm vụ

UBND thành phố Đà Nẵng chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai toàn diện việc lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn sau sáp nhập.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm tham mưu UBND thành phố trong việc xây dựng và hoàn thiện kế hoạch sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện.

Sở Công Thương có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xác định nhu cầu sử dụng nước cho phát điện, đảm bảo điều tiết nước giữa các công trình thủy điện và các mục tiêu sử dụng nước khác trên địa bàn.

4.2.2. Lộ trình thực hiện

- Giai đoạn 2026–2027: Hoàn thiện khung pháp lý và quy hoạch tổng thể.
- Giai đoạn 2027–2028: Tổ chức triển khai và thực hiện kế hoạch sử dụng nước.
- Giai đoạn 2028–2030: Đánh giá, điều chỉnh và nâng cao hiệu quả quản lý.

4.2.3. Huy động nguồn lực, kinh phí

Nguồn lực tài chính; NSNN; các doanh nghiệp thủy điện và các đơn vị khai thác tài nguyên nước.

4.3. Đối với giải pháp hoàn thiện tổ chức bộ máy QLNN về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

4.3.1. Phân công nhiệm vụ

UBND thành phố Đà Nẵng là cơ quan chỉ đạo, điều phối chung toàn bộ hoạt động QLNN về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn sau sáp nhập.

Sở Nông nghiệp và Môi trường được giao trọng trách chủ trì việc quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước tại các công trình thủy điện.

Sở Công Thương có nhiệm vụ quản lý, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh điện năng từ các thủy điện, bao gồm việc phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc đánh giá khả năng khai thác, sử dụng tài nguyên nước hợp lý, đảm bảo an toàn hồ đập và lợi ích kinh tế – xã hội của địa phương.

4.3.2. Lộ trình thực hiện

- Giai đoạn 2026–2027: Khảo sát, đánh giá và xây dựng kế hoạch tổ chức bộ máy.
- Giai đoạn 2027–2028: Nâng cao năng lực cán bộ và áp dụng công nghệ quản lý.
- Giai đoạn 2028–2030: Hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành và kiểm tra, giám sát.

4.3.3. Huy động nguồn lực, kinh phí

NSNN; các doanh nghiệp sở hữu hoặc vận hành công trình thủy điện; các tổ chức quốc tế, quỹ hỗ trợ môi trường, dự án hợp tác phát triển bền vững.

4.4. Đối với giải pháp tăng cường tuyên truyền phổ biến và giáo dục pháp luật về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

4.4.1. Phân công nhiệm vụ

UBND thành phố Đà Nẵng là cơ quan chỉ đạo, điều phối chung, UBND thành phố có trách nhiệm ban hành các kế hoạch, hướng dẫn thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên toàn địa bàn.

Sở Nông nghiệp và Môi trường là đơn vị thường trực về chuyên môn, chịu trách nhiệm soạn thảo tài liệu tuyên truyền, hướng dẫn pháp luật về sử dụng tài nguyên nước, giám sát thực hiện các quy định pháp luật tại các công trình thủy điện.

Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp tổ chức các chương trình giáo dục về bảo vệ nguồn nước trong các trường học, đặc biệt là tại các địa phương gần các công trình thủy điện.

4.4.2. Lộ trình thực hiện

- Giai đoạn 2026–2027: Xây dựng cơ sở và tăng cường nhận thức.
- Giai đoạn 2027–2028: Triển khai rộng rãi và nâng cao hiệu quả tuyên truyền.
- Giai đoạn 2028–2030: Đánh giá, nhân rộng và củng cố kết quả.

4.4.3. Huy động nguồn lực, kinh phí

Nguồn lực và kinh phí.

4.5. Đối với giải pháp tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm liên quan đến sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện

4.5.1. Phân công nhiệm vụ

UBND thành phố Đà Nẵng chịu trách nhiệm chỉ đạo toàn diện việc tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn.

Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất các công trình thủy điện về việc sử dụng tài nguyên nước.

Sở Công Thương có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc giám sát hoạt động sản xuất, vận hành của các công trình thủy điện, đảm bảo các công trình này tuân thủ quy định về sử dụng tài nguyên nước và an toàn công trình.

4.5.2. Lộ trình thực hiện

- Giai đoạn 2026–2027: Hoàn thiện cơ chế, tăng cường năng lực kiểm tra, thanh tra.

- Giai đoạn 2027–2028: Tăng cường thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất.

- Giai đoạn 2028–2030: Xử lý nghiêm minh, đánh giá hiệu quả và điều chỉnh chính sách.

4.5.3. Huy động nguồn lực, kinh phí

Nguồn kinh phí; NSNN; các tổ chức quốc tế, các dự án hợp tác song phương hoặc đa phương về quản lý tài nguyên nước và năng lượng tái tạo.

Kết luận chương 4

KẾT LUẬN

Tài nguyên nước là nguồn lực quan trọng, gắn liền với sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo đời sống dân sinh và bảo vệ môi trường sinh thái. Đặc biệt, tại các công trình thủy điện, tài nguyên nước không chỉ là yếu tố đầu vào cho sản xuất điện năng mà còn có ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh nguồn nước, phòng chống thiên tai, điều hòa khí hậu và phát triển bền vững. Vì vậy, QLNN về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện giữ vai trò then chốt, đảm bảo việc khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật, đồng thời hạn chế các tác động tiêu cực đối với môi trường và đời sống nhân dân.

Trong thời gian qua, thành phố Đà Nẵng đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong công tác QLNN về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện. Hệ thống văn bản pháp luật từng bước được ban hành và triển khai đồng bộ; công tác xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng tài nguyên nước đã đi vào nề nếp, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác nguồn nước. Bộ máy QLNN từng bước được kiện toàn, năng lực đội ngũ cán bộ được nâng cao; các hoạt động tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật ngày càng được quan tâm, giúp nâng cao nhận thức và trách nhiệm của doanh nghiệp, cộng đồng và người dân.

Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đã được chú trọng, góp phần hạn chế tình trạng vi phạm trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Các công trình thủy điện cơ bản đã tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý, khai thác và sử dụng nguồn nước, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa phát triển kinh tế, an sinh xã hội và bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, thực tiễn quản lý cũng còn một số hạn chế như: hệ thống văn bản pháp luật và chính sách đôi khi còn chồng chéo; việc thực hiện kế hoạch khai thác và sử dụng tài nguyên nước có lúc chưa đồng bộ; công tác tuyên truyền chưa sâu rộng; năng lực một bộ phận cán bộ quản lý chưa đáp ứng yêu cầu; hoạt động thanh tra, kiểm tra đôi khi chưa thực sự hiệu quả. Những tồn tại này đặt ra yêu cầu cần có sự đổi mới, hoàn thiện hơn nữa trong công tác QLNN về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trong thời gian tới.

Trên cơ sở phân tích lý luận, thực trạng và những kết quả đạt được, đề án đã đề xuất một hệ thống giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả QLNN về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Các giải pháp tập trung vào việc hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, nâng cao chất lượng công tác lập và tổ chức thực hiện kế hoạch, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý, đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến pháp luật, đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm vi phạm.

Có thể khẳng định, việc nâng cao hiệu quả QLNN về sử dụng tài nguyên nước tại các công trình thủy điện là yêu cầu tất yếu, góp phần quan trọng trong việc bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng chống thiên tai, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững của thành phố Đà Nẵng. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, doanh nghiệp thủy điện và cộng đồng dân cư sẽ là yếu tố quyết định để quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước hiệu quả, bền vững trong thời gian tới.